

Số : **3482**/BXD-HĐXD

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2014

V/v: thực hiện Luật Xây dựng  
số 50/2014/QH13.

- Kính gửi: - Văn phòng Chính phủ;  
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;  
- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực  
thuộc Trung ương;  
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty 91.

Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được Quốc hội khóa XIII thông qua tại kỳ họp thứ 7 ngày 18/6/2014 (sau đây gọi là Luật Xây dựng 2014) và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2015. Hiện nay Chính phủ đang chỉ đạo các Bộ khẩn trương hoàn thiện trình Chính phủ ban hành các Nghị định quy định chi tiết thực hiện Luật. Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 100/TTg-KTN ngày 29/12/2014 về việc hướng dẫn triển khai thực hiện Luật Xây dựng 2014, để đảm bảo các hoạt động đầu tư xây dựng không bị gián đoạn trong khi chờ ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định và hướng dẫn thực hiện Luật, Bộ Xây dựng yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc và tuân thủ đầy đủ các nội dung đã được quy định cụ thể của Luật Xây dựng 2014 trong khi chờ có văn bản quy định, hướng dẫn. Riêng một số nội dung Luật Xây dựng 2014 giao cho Chính phủ hướng dẫn thì được áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật Xây dựng năm 2003 nhưng không trái với các quy định của Luật Xây dựng 2014, cụ thể như sau:

### **I. Về phân loại dự án đầu tư xây dựng và phân cấp công trình xây dựng:**

#### **1. Phân loại dự án đầu tư xây dựng:**

Từ ngày 01/01/2015 dự án đầu tư xây dựng theo quy định tại Điều 49 Luật Xây dựng 2014 được phân loại theo quy định của Luật Đầu tư công.

#### **2. Phân loại, phân cấp công trình xây dựng:**

Việc phân loại, phân cấp công trình theo quy định tại Điều 5 Luật Xây dựng 2014 được áp dụng theo Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về Quản lý chất lượng công trình xây dựng (sau đây gọi là Thông tư số 10/2013/TT-BXD), Thông tư số 09/2014/TT-BXD ngày 10/7/2014 của Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Thông tư hướng dẫn Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng (sau đây gọi là Thông tư số 09/2014/TT-BXD).

## **II. Về chủ đầu tư và hình thức quản lý dự án:**

1. Đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước được quyết định đầu tư sau ngày 01/01/2015 thì căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể giao cho các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành trực tiếp quản lý Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý dự án khu vực do mình quyết định thành lập.

2. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện có trách nhiệm khẩn trương kiện toàn, sắp xếp hoặc thành lập các Ban quản lý dự án chuyên ngành hoặc Ban quản lý dự án khu vực theo quy định của Luật Xây dựng 2014 để quản lý đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

## **III. Về lập, thẩm định dự án đầu tư xây dựng:**

1. Lập dự án và Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng:

a) Dự án được phê duyệt sau ngày 01/01/2015 thì điều chỉnh nội dung phù hợp với quy định tại Điều 54, Điều 55 của Luật Xây dựng 2014 trước khi trình thẩm định, phê duyệt.

b) Công trình xây dựng sử dụng cho mục đích tôn giáo và các công trình xây dựng có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng (không bao gồm tiền sử dụng đất) chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo quy định tại Điều 55 của Luật Xây dựng 2014.

2. Thẩm định dự án đầu tư xây dựng và Báo cáo kinh tế - kỹ thuật:

a) Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước:

- Cơ quan chuyên môn thuộc các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định toàn bộ nội dung của dự án nhóm A, các dự án do các Bộ, ngành ở Trung ương quyết định đầu tư được quy định tại Điều 58 của Luật Xây dựng 2014.

- Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định toàn bộ nội dung của dự án nhóm B, nhóm C và Báo cáo kinh tế - kỹ thuật quy định tại Điều 58 của Luật Xây dựng 2014 được đầu tư trên địa bàn địa phương, trừ các dự án do cơ quan chuyên môn thuộc các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định nêu trên.

b) Đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách:

- Cơ quan chuyên môn thuộc các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định nội dung thiết kế cơ sở quy định tại Khoản 2 Điều 58 của Luật Xây dựng 2014 đối với các công trình thuộc dự án nhóm A.

- Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định nội dung thiết kế cơ sở quy định tại Khoản 2 Điều 58 của Luật Xây dựng 2014 đối với các công trình thuộc dự án nhóm B, nhóm C được đầu tư xây dựng trên địa bàn địa phương.

c) Đối với các dự án sử dụng vốn khác:

Cơ quan chuyên môn thuộc các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định nội dung thiết kế cơ sở quy định tại Khoản 2 Điều 58 của Luật Xây dựng 2014 đối với các dự án có công trình cấp I, cấp đặc biệt.

#### **IV. Về thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở:**

1. Từ 01/01/2015, công trình chưa được phê duyệt thiết kế, dự toán thì nội dung lập, thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng công trình được thực hiện theo quy định tại Điều 80, Điều 83 của Luật Xây dựng 2014.

2. Thẩm quyền và quy trình tổ chức thẩm định thiết kế, dự toán được áp dụng theo quy định về thẩm quyền và quy trình thẩm tra thiết kế tại Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình xây dựng (sau đây gọi là Nghị định số 15/2013/NĐ-CP) và Thông tư số 13/2013/TT-BXD ngày 15/8/2013 của Bộ Xây dựng về Quy định thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng công trình.

#### **V. Về thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu chất lượng công trình xây dựng:**

1. Đối tượng kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng công trình được thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 123 của Luật Xây dựng 2014.

2. Thẩm quyền và quy trình kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng công trình được áp dụng theo quy định của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP, Thông tư số 10/2013/TT-BXD và Thông tư số 09/2014/TT-BXD.

#### **VI. Về cấp Giấy phép xây dựng:**

1. Những công trình được miễn giấy phép xây dựng quy định tại Khoản 2 Điều 89 của Luật Xây dựng 2014.

2. Việc cấp giấy phép xây dựng được thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng 2014 và quy định của Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 04/9/2012 của Chính phủ về Cấp giấy phép xây dựng và Thông tư số 10/2012/TT-BXD ngày 20/12/2012 của Bộ xây dựng về Hướng dẫn chi tiết một số nội dung của Nghị định số 64/2012/NĐ-CP.

#### **VII. Về quản lý điều kiện năng lực hoạt động xây dựng:**

1. Việc cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng áp dụng theo quy định tại Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình (sau đây gọi là Nghị định số 12/2009/NĐ-CP) và Thông tư số 12/2009/TT-BXD ngày 24/6/2009 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn chi tiết về cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng.

2. Việc đánh giá năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức áp dụng theo quy định tại Nghị định số 12/2009/NĐ-CP và Thông tư số 22/2009/TT-BXD ngày

06/7/2009 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng.

3. Việc đăng tải thông tin năng lực hoạt động xây dựng áp dụng theo quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BXD ngày 25/8/2014 của Bộ Xây dựng Quy định công khai thông tin về năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng công trình.

### **VIII. Tổ chức thực hiện:**

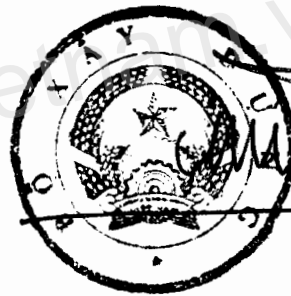
1. Các quy định từ Mục I đến Mục VII của văn bản này có hiệu lực thực hiện từ ngày 01/01/2015 cho đến khi văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Xây dựng 2014 có hiệu lực.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc thì các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Xây dựng để được giải quyết, hướng dẫn cụ thể. Trường hợp vượt thẩm quyền, Bộ Xây dựng tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, giải quyết. / *Handwritten mark*

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thủ tướng CP, các Phó Thủ tướng CP;
- VP Trung ương và các Ban của Đảng;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- VP Chủ tịch nước;
- VP Quốc hội;
- Tòa án Nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Công TTĐTCP;
- Trung tâm thông tin BXD;
- Lưu: VT, Vụ PC, Cục QLHDXD.

**BỘ TRƯỞNG**



**Trịnh Đình Dũng**